TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2017/DS-ST
Ngày: 07/12/2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Lê Thị Thanh Thuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 99/2014/TLST-DS ngày 29/5/2014 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2017/QĐXX-ST ngày 26/10/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: nn đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: khu phố C, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trương Văn B, sinh năm 1972; Địa chỉ: khu phố C, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 25/11/2010, nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương cho bị đơn Nguyễn Thị Hương vay số tiền 2.100.000 đồng, thoả thuận trả góp với lãi suất 6%/tháng; tuy nhiên sau khi vay bà H không trả lãi cũng như trả nợ gốc. Nay nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 2.100.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 13,5%/ năm tính từ ngày 26/11/2010 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai lập ngày 14/11/2017, bị đơn Nguyễn Thị Hương trình bày: Vào năm 2012, bị đơn có vay của nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương khoản tiền 1.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 7%/tháng; mỗi ngày góp 40.000 đồng và bà đã góp cho bà S được 1.200.000đ, còn lại 300.000đ thì không góp nữa lý do bà S không cho người tới thu tiền.

Đến năm 2014 bà S có khởi kiện tại Tòa án khi đó giữa bà và bà S đã thỏa thuận số nợ còn lại là 4.000.000đ và đã giải quyết xong.

Nay bà S tiếp tục xuất trình giấy nợ lập ngày 25/11/2010 với khoản vay là 2.100.000đ có chữ ký của bà thì bà thống nhất trả nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 200.000đ cho đến khi hết nợ vì hiện nay bà không có tiền để trả cho bà S một lần.

Đối với chồng bà là anh Trương Văn Bích chỉ là người đứng tên trong hộ khẩu, không tham gia vay tiền bà S nên đề nghị tòa xem xét theo quy định.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải và công khai việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn bà Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày, chấp nhận việc trả nợ gốc và lãi nhưng xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về lãi suất, đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm x 150%, kể từ ngày 26/11/2010 cho đến ngày Tòa xét xử vụ án.

Nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương, Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào ngày 25/11/2010, nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương cho bị đơn Nguyễn Thị Hương vay trả góp số tiền 2.100.000 đồng, thoả thuận trả góp hàng ngày, mỗi ngày 40.000đồng/ngày cho đến khi hết nợ với lãi suất 6%/ tháng nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại bản trình bày lập ngày 14/11/2017 Bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền gốc như yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và xin không trả lãi nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền gốc 2.100.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 2.100.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S; Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy nhận nợ vay tiền lập ngày 25/11/2010, các đương sự không thỏa thuận về việc trả lãi; Tại các đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn không trình bày việc cho bị đơn vay có tính lãi mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 2.100.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: "Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ" và quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố là 9%/năm tại Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; thời gian kể từ ngày 26/11/2010 cho đến ngày xét xử vụ án (ngày 07/12/2017) là 07 năm 11 ngày x 9%/năm x 150% x 2.100.000 đồng = 1.993.162đ *(Một triệu chín trăm chín mươi ba ngàn một trăm sáu hai đồng)* tiền lãi.

Tổng cộng, bị đơn Nguyễn Thị Hương phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương số tiền 4.093.162đ *(Bốn triệu không trăm chín mươi ba ngàn, một trăm sáu hai đồng)*; Trong đó tiền gốc 2.100.000 đồng, tiền lãi 1.993.162 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn B tại biên bản lập ngày 11/6/2014 ông B trình bày ông không vay và không biết việc bà H vợ ông vay tiền của bà S nên việc bà S cho bà H vay tiền là khoản vay các nhân của hai người ông không liên quan; hơn nữa tai giấy nhận nợ lập ngày 25/11/2010 giữa bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị H không có chữ ký, chữ viết nhận nợ của ông B; do đó việc vay tài sản trên là giao dịch chỉ xác lập giữa bà S và bà H, ông B không liên quan đến việc nhận nợ của bà H. Do đó yêu cầu của bà Hồ Thị Thanh S đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn B trả nợ là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 305; Điều 471; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương; Buộc bị đơn Nguyễn Thị Hương phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương số tiền 4.093.162đ *(Bốn triệu không trăm chín mươi ba ngàn, một trăm sáu hai đồng)*; Trong đó tiền gốc 2.100.000 đồng, tiền lãi 1.993.162 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng vào Điều 27 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn Nguyễn Thị Hương phải chịu 205.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương số tiền 100.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 10188 ngày 13/12/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND TP. Tuy Hòa;*
- *Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Phước Hiệu